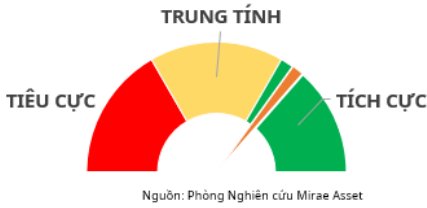


02 Tháng Tư 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn



Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,224.45	5.36	3.19	80.01
HNX	294.89	8.83	18.94	208.43
UPCOM	82.27	3.03	6.21	69.18
MSCI EM	1,335.24	2.12	-1.80	59.24
NIKKEI	29,854.00	2.32	1.52	67.54
HANG SENG	28,938.74	3.72	-0.54	24.31
KOSPI	3,112.80	2.36	2.26	80.47
FTSE	6,737.30	0.94	1.87	22.94
S&P 500	4,019.87	2.82	3.86	59.08
NASDAQ	13,480.11	3.87	0.91	80.04

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.96	2.56	13.60
SET INDEX	39.94	1.74	4.35
JCI INDEX	23.13	1.55	5.29
PCOMP INDEX	24.78	1.59	7.10

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.13	2	7	-179
10 năm	2.39	0	9	-110

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,073	0.01	-0.25	2.28
US\$/KRW	1,128	0.16	-0.32	8.98
US\$/JPY	110	-0.74	-3.41	-2.31
US\$/EUR	0.85	0.09	2.61	-7.85
US\$/GBP	0.72	-0.32	0.89	-10.39
US\$/SGD	1.34	0.13	-1.03	6.50

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	658	598	339
HNX	142	105	43
UPCOM	50	49	21

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Tăng hơn 60 điểm trong tuần, VN-Index chinh phục thành công 1.200

Tuần cuối tháng 3, đầu tháng 4 với nhiều thông tin vĩ mô tích cực như: Tăng trưởng GDP, PMI, được công bố đã hỗ trợ tích cực đến tâm lý của NĐT. VN-Index đã có trọn 5 phiên tăng điểm, đáng chú ý khi phiên ngày 01/04/2021, chỉ số đã chính thức vượt ngưỡng 1.200. Đà tăng được duy trì đến phiên cuối tuần, VN-Index tăng tổng cộng hơn 62 điểm (+5,3%), chốt tuần tại 1.224,45, mức đóng cửa cao nhất trong lịch sử của chỉ số này.

VIC là cổ phiếu có công lớn nhất trong việc VN-Index chinh phục ngưỡng 1.200. Trong tuần cổ phiếu này đã tăng 9,43% giúp VN-Index tăng 9,54 điểm. Trong Top 10 cổ phiếu giúp VN-Index tăng điểm, nhóm cổ phiếu Ngân hàng đã đóng góp 5 vị trí là các mã BID (+3,1 điểm), VCB (+2,86 điểm), CTG (+2,23 điểm), VIB (+2,2 điểm) và VPB (+1,83 điểm). VIB cũng là cổ phiếu tăng mạnh nhất trong Top 10 với mức tăng 17,23% trong tuần.

Cùng với diễn biến khả quan của thị trường, khối ngoại cũng đã trở lại mua ròng trong 2 phiên cuối tuần, đáng chú ý khi phiên cuối tuần khối này đã mua ròng 693 tỷ đồng cao nhất từ sau tết đến nay. Phiên cuối tuần cũng giúp VN-Index có tuần mua ròng đầu tiên sau 5 tuần bị khối ngoại bán ròng. VIC được khối ngoại mua ròng mạnh nhất với giá trị 956 tỷ đồng, tiếp theo là PMG được mua ròng 384 tỷ đồng, STB đứng thứ 3 với giá trị mua ròng gần 240 tỷ đồng. Bên phía bán ròng, CTG bị khối này bán ra hơn 500 tỷ đồng và là cổ phiếu bị bán ròng lớn nhất tuần.

Thành công chinh phục ngưỡng 1.200 và tiếp tục tăng hơn 24 điểm, lần vượt kháng cự lần này của VN-Index đã thể hiện sự dứt khoát hơn, giúp NĐT rũ bỏ tâm lý lo ngại. Trong ngắn hạn chỉ số có thể xuất hiện những phiên điều chỉnh trong tuần sau nhưng khả năng đây là những phiên điều chỉnh mang tính chất kỹ thuật do hành động coht16 lãi của NĐT. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của VN-Index đang ở mức **+5 (KHẢ QUAN)**.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	6	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	7	KHẢ QUAN
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	5	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin tuần

Thị trường trái phiếu:

- **Thị trường trái phiếu:** Trong tuần, KBNN đã huy động thành công 3.600 tỷ đồng TPCP, tương đương 65,5% tổng lượng gọi thầu. Kỳ hạn 5 năm đã phát hành thành công toàn bộ 1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 1,1% (+2bps). Kỳ hạn 10 năm huy động thành công 1.500 / 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,3% (+3bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 1.000 / 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,5% (+2bps); Kỳ hạn 30 năm chỉ thành công 103 tỷ đồng trong tổng số 500 tỷ đồng gọi thầu. Nhu cầu vẫn duy trì mức thấp thể hiện ở tỷ lệ chào mua/ gọi thầu giảm xuống 2,2 lần từ mức 2,64 lần của tuần trước
- Ngày 07/04 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 5.500 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; và (4) kỳ hạn 20 năm có giá trị 500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Tại ngày 02/04, lãi suất kỳ hạn O/N giữ nguyên ở mức 0,26%, trong khi kỳ hạn 1 tuần, 2 tuần đã giảm lần lượt 3bps về mức 0,41% và 33bps về mức 0,43%. Chiều ngược lại tại các kỳ hạn dài như 1 tháng, 3 tháng và 6 tháng, lãi suất ghi nhận mức tăng lần lượt 2bps lên 0,61%, 54bps lên mức 1,67% và 4bps lên mức 2,78%.
- **Tỷ giá VND/USD tham chiếu** tại ngày 02/04/21 của NHNN đã tiếp tục tăng 0,047% lên mức 23.241 VND/USD. Tuy nhiên tỷ giá NHTM đã có biến động ngược chiều khi giảm 0,065% ở chiều mua và chiều bán lên mức 22.950 – 23.190 VND/USD. Tỷ giá tự do hạ nhiệt trở lại mốc 23.720 (-0,753%) – 23.820 (-0,626%).

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	6	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (26/03/2021)	1.224 (+5,36% WoW)	Kháng cự 1 1.250
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2 1.300
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 1 1.200
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 2 1.180

Xu hướng của VN-Index đang lạc quan, tuy nhiên sau phiên hôm nay, chỉ số đã xuất hiện mẫu hình nến Doji, cảnh báo rủi ro sẽ xuất hiện những phiên điều chỉnh trong ngắn hạn. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của VN-Index đang ở mức **+5 (KHẢ QUAN)**.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

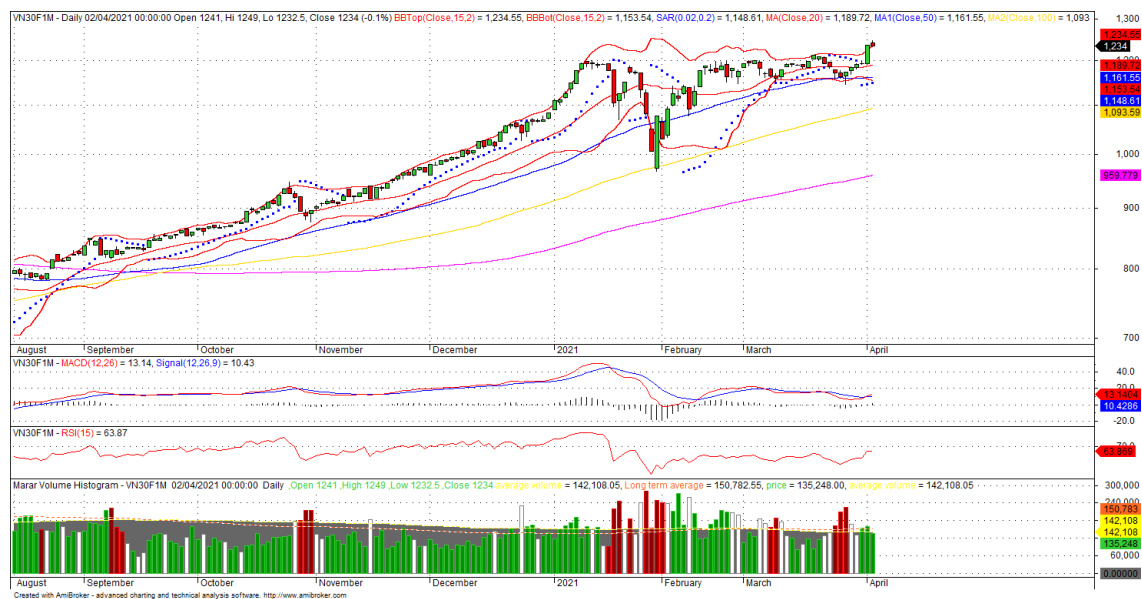
Nhận định phái sinh

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	5	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	6	KHẢ QUAN

- Ngưỡng kháng cự mạnh 1,200 đã được vượt và trở thành ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn cho hợp đồng phái sinh VN30F1M.
- Hiện tại hợp đồng phái sinh đang được giao dịch quanh vùng đỉnh mới của mình. Vì vậy rủi ro cho việc điều chỉnh sẽ có tuy nhiên xu hướng tăng đang được chiếm ưu thế. Cho nên chúng tôi khuyến nghị Mua ở vùng hỗ trợ gần nhất quanh vùng 1,200 điểm.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	1,200
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	1,192
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	1,250

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fiinpro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.65	3,914,995	2	TRUNG TÍNH	3,692	12.0	1.0
ACB	34.65	9,341,480	5	KHẢ QUAN	74,898	9.7	2.1
ART	11.3	7,081,760	5	KHẢ QUAN	1,086	#N/A N/A	1.0
ASM	15.6	3,182,855	-2	TRUNG TÍNH	4,038	8.1	0.9
BID	45	2,937,430	6	KHẢ QUAN	180,991	25.9	2.4
BSR	17.8	15,137,365	2	TRUNG TÍNH	55,189	19.8	1.6
BVH	61.8	868,710	4	KHẢ QUAN	45,876	29.6	2.3
CEO	12.6	5,591,225	4	KHẢ QUAN	3,242	#N/A N/A	1.1
CII	25.95	3,511,440	4	KHẢ QUAN	6,198	25.2	1.3
CTD	73.6	883,720	-2	TRUNG TÍNH	5,467	12.8	0.7
CTG	41.2	12,574,830	7	KHẢ QUAN	153,777	11.2	1.8
CTR	93.5	511,360	-4	TIÊU CỰC	6,712	36.4	7.5
DBC	60.6	2,436,310	2	TRUNG TÍNH	6,349	4.4	1.5
DCM	18.05	3,873,225	2	TRUNG TÍNH	9,556	17.7	1.5
DGC	68.8	707,295	-6	TIÊU CỰC	10,235	12.0	2.6
DGW	121	347,670	-2	TRUNG TÍNH	5,203	19.4	4.5
DIG	29.5	3,812,340	2	TRUNG TÍNH	10,126	14.0	2.2
DPM	20.35	2,665,720	4	KHẢ QUAN	7,964	11.5	1.0
DRC	29.55	1,887,725	6	KHẢ QUAN	3,510	13.7	2.1
DXG	24.5	7,237,560	2	TRUNG TÍNH	12,698	#N/A N/A	2.1
FCN	14.6	3,685,250	2	TRUNG TÍNH	1,831	15.5	0.8
FIT	11.1	3,802,585	2	TRUNG TÍNH	2,828	50.2	0.9
FLC	12.25	35,867,632	2	TRUNG TÍNH	8,662	54.1	0.9
FPT	79.8	2,179,585	2	TRUNG TÍNH	62,556	17.7	4.0
FRT	30.9	2,224,400	2	TRUNG TÍNH	2,441	98.7	2.0
GAS	90.3	664,170	2	TRUNG TÍNH	172,830	22.0	3.6
GEX	24.1	6,646,465	7	KHẢ QUAN	11,615	14.3	1.7
GMD	34.8	2,417,185	7	KHẢ QUAN	10,488	30.3	1.8
GVR	28.3	3,551,460	-2	TRUNG TÍNH	113,200	30.0	2.4
HAG	5.72	7,996,575	5	KHẢ QUAN	5,249	#N/A N/A	0.8
HAP	15.15	3,284,640	-4	TIÊU CỰC	840	20.7	1.2
HBC	18.2	6,475,890	-2	TRUNG TÍNH	4,202	56.4	1.2
HCM	32.7	3,806,430	6	KHẢ QUAN	9,975	18.8	2.2
HDB	27.25	4,280,190	5	KHẢ QUAN	43,430	10.2	1.9
HDC	45.1	1,035,235	0	TRUNG TÍNH	3,000	13.0	2.6
HDG	43.9	1,593,725	-4	TIÊU CỰC	6,773	7.0	2.1
HHS	7.91	5,409,365	7	KHẢ QUAN	2,173	7.4	0.6
HNG	12.1	11,450,155	0	TRUNG TÍNH	13,303	616.1	1.5
HPG	49	16,368,015	7	KHẢ QUAN	162,517	12.1	2.8
HPX	36	1,061,450	0	TRUNG TÍNH	9,522	110.9	3.0
HQC	3.21	18,675,264	-2	TRUNG TÍNH	1,530	159.4	0.4
HSG	28.9	7,396,825	4	KHẢ QUAN	12,850	8.5	1.8
HUT	6.7	7,241,770	2	TRUNG TÍNH	1,800	#N/A N/A	0.6
HVN	33.55	1,625,155	6	KHẢ QUAN	47,584	#N/A N/A	7.4
IDC	39.8	2,913,875	7	KHẢ QUAN	11,880	39.4	3.3
IJC	28.15	7,510,985	-4	TIÊU CỰC	6,111	11.1	1.9
ITA	7.24	11,843,070	5	KHẢ QUAN	6,793	38.6	0.6
KBC	39.3	5,247,635	0	TRUNG TÍNH	18,509	82.5	1.9
KDC	52.8	1,387,930	-2	TRUNG TÍNH	12,078	53.5	2.1
KDH	31.3	1,601,380	0	TRUNG TÍNH	17,491	15.3	2.2
KLF	4.1	12,272,915	-2	TRUNG TÍNH	678	308.0	0.4
KSB	32.9	1,589,715	-4	TIÊU CỰC	2,192	7.8	1.4

LCG	15.35	4,442,395	0	TRUNG TÍNH	1,769	5.7	1.0
LDG	8.48	8,847,150	6	KHẢ QUAN	2,031	169.6	0.7
LPB	17.6	10,711,600	7	KHẢ QUAN	18,914	10.2	1.3
MBB	29.6	15,346,655	3	TRUNG TÍNH	82,843	10.0	1.7
MBS	25	1,889,330	7	KHẢ QUAN	4,108	15.3	2.0
MSN	92.7	1,216,165	7	KHẢ QUAN	108,893	88.0	6.8
MWG	134.8	662,320	7	KHẢ QUAN	62,834	15.6	3.9
NKG	23.95	5,061,970	2	TRUNG TÍNH	4,094	14.0	1.3
NLG	35.5	1,200,530	2	TRUNG TÍNH	9,772	11.4	1.7
NVB	16.7	5,715,120	5	KHẢ QUAN	6,794	5,605.4	1.6
NVL	82.2	2,239,760	5	KHẢ QUAN	81,264	20.6	3.2
OIL	14.6	2,648,520	0	TRUNG TÍNH	15,100	#N/A N/A	1.6
PDR	64.6	3,462,660	5	KHẢ QUAN	28,152	24.4	5.6
PET	22.75	2,766,725	-4	TIÊU CỰC	1,901	14.2	1.2
PHR	59.8	669,670	0	TRUNG TÍNH	8,103	7.5	2.5
PLX	56.5	2,510,835	2	TRUNG TÍNH	70,275	78.2	3.3
PNJ	88.7	390,175	7	KHẢ QUAN	20,167	19.6	3.8
POW	13.6	17,674,680	2	TRUNG TÍNH	31,849	14.5	1.1
PVD	23.05	7,867,965	-2	TRUNG TÍNH	9,707	56.5	0.7
PVM	25.2	2,368,245	-2	TRUNG TÍNH	974	19.6	2.1
PVS	23.6	10,943,640	0	TRUNG TÍNH	11,280	17.4	0.9
PVT	17.6	3,663,015	-2	TRUNG TÍNH	5,696	8.5	1.2
REE	53.7	763,745	-2	TRUNG TÍNH	16,596	10.2	1.4
ROS	4.71	27,320,890	2	TRUNG TÍNH	2,673	4,471.6	0.4
S99	27	1,381,470	0	TRUNG TÍNH	1,447	8.0	1.8
SBT	22.9	4,298,075	-2	TRUNG TÍNH	14,133	24.2	1.8
SCR	8.98	4,024,860	0	TRUNG TÍNH	3,283	18.5	0.7
SHB	27	41,054,436	4	KHẢ QUAN	47,264	17.2	2.0
SHS	31.4	8,903,280	7	KHẢ QUAN	6,508	8.6	2.0
SSI	34.3	10,225,480	5	KHẢ QUAN	22,153	16.4	2.1
STB	22.6	32,364,010	7	KHẢ QUAN	40,763	15.2	1.4
TCB	41.3	10,704,470	4	KHẢ QUAN	144,577	11.7	2.0
TCH	24.5	5,527,270	7	KHẢ QUAN	9,061	9.4	1.7
TNG	24	2,253,115	-2	TRUNG TÍNH	1,909	11.7	1.5
TPB	28.3	4,225,870	0	TRUNG TÍNH	29,196	8.1	1.7
TTF	7.36	6,830,880	4	KHẢ QUAN	2,272	64.5	#N/A N/A
VCB	97.9	1,410,180	5	KHẢ QUAN	362,728	19.7	3.9
VCI	66.3	1,550,265	4	KHẢ QUAN	10,979	14.2	2.4
VHC	39.15	967,870	-2	TRUNG TÍNH	7,123	9.9	1.4
VHM	100.7	2,077,075	5	KHẢ QUAN	331,254	12.1	3.9
VIC	123.2	2,005,870	7	KHẢ QUAN	416,039	72.8	5.1
VIX	31.3	7,682,770	-4	TIÊU CỰC	3,998	12.2	2.3
VJC	132.3	536,725	2	TRUNG TÍNH	69,304	1,001.7	4.6
VND	30.2	5,476,995	2	TRUNG TÍNH	6,478	9.1	1.6
VNM	102.8	3,321,065	5	KHẢ QUAN	214,638	21.5	6.9
VPB	46.2	4,365,485	3	TRUNG TÍNH	113,409	10.8	2.1
VPI	37.05	1,377,000	6	KHẢ QUAN	7,410	24.7	2.7
VRE	33.85	4,734,510	0	TRUNG TÍNH	76,918	32.3	2.6

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

OPEC+ tự tin tăng sản lượng từ tháng 5

Tại cuộc họp tháng 4, OPEC và các nước đồng minh (tức OPEC+) đã đồng ý sẽ tăng sản lượng thêm 350.000 thùng/ngày vào tháng 5, tiếp tục 350.000 thùng/ngày vào tháng 6 và cuối cùng bơm thêm 450.000 thùng/ngày trong tháng 7.

Bên cạnh đó, Arab Saudi sẽ tự nguyện giảm thêm 1 triệu thùng/ngày, sau đó tăng 250.000 thùng/ngày trong tháng 5, 350.000 thùng/ngày vào tháng 6 và cuối cùng 400.000 thùng/ngày trong tháng 7.

"Hôm 1/4, OPEC+ đã đồng ý tăng hạn ngạch sản lượng một cách thận trọng. Thỏa thuận mới giúp nâng đỡ giá dầu, cũng giúp tránh tình trạng giá dầu tăng vọt khi nhu cầu đi lên", bà Ann-Louise Hittle - Phó Chủ tịch phụ trách bộ phận vĩ mô của Wood Mackenzie, nhận xét.

Dòng tiền đầu tư đang rời các nước mới nổi, đang phát triển để về Mỹ?

Kinh tế Mỹ tăng trưởng nóng đang thu hút hàng tỷ USD vốn đầu tư từ các nước mới nổi.

Thực tế này không khỏi khiến nhiều người lo ngại về kịch bản nhà đầu tư rút đi sẽ gây mất ổn định thị trường các nước nghèo nơi mà tỷ lệ lây nhiễm Covid-19 vẫn ở mức cao và triển vọng kinh tế phục hồi dường như còn xa xôi, theo nhận định của Wall Street Journal trong bài báo mới đây.

Theo số liệu mới nhất của Viện Tài chính Quốc tế (IIF), cơ quan chuyên nghiên cứu của các ngân hàng trên toàn cầu, trong tháng 3/2021, 5,16 tỷ USD đã bị rút khỏi các thị trường mới nổi.

Chính quyền Mỹ khởi động chương trình kích thích kinh tế quy mô 1,9 nghìn tỷ USD, chương trình tiêm vắc xin Covid-19 được triển khai mạnh mẽ và kỳ vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ lên cao đã giúp cho niềm tin của nhà đầu tư vào Mỹ cải thiện.

Các chuyên gia kinh tế dự báo GDP Mỹ năm 2021 sẽ có thể tăng trưởng được 6,5% và như vậy ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 3 thập kỷ gần đây.

Dù rằng việc kinh tế Mỹ tăng trưởng cao có tính hỗ trợ quan trọng với kinh tế toàn cầu, thực tế này cũng gây ra không ít căng thẳng tại nhóm nền kinh tế phát triển yếu hơn.

Khi mà nhà đầu tư đua nhau mua tài sản Mỹ, họ đã đẩy lợi suất trái phiếu Bộ Tài chính Mỹ tăng cao đáng kể trong năm nay. Nếu xu thế này tiếp diễn, nhiều chuyên gia kinh tế lo ngại việc lợi suất của các tài sản rủi ro tại thị trường nước phát triển tăng lên sẽ tiếp tục hút dòng tiền khỏi thị trường mới nổi nơi mà các chiến dịch tiêm vắc xin Covid-19 mới chỉ bắt đầu.

Xem xét đề nghị miễn trừ áp thuế CBPG một số sản phẩm thép cán nguội

Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) cho biết ngày 21/12/2020, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3390/QĐ-BCT về việc áp dụng thuế chống bán phá giá (CBPG) đối với một số sản phẩm thép cán nguội (ép nguội) dạng cuộn hoặc tấm có xuất xứ từ Trung Quốc (vụ việc AD08).

Hiện nay, Cục Phòng vệ thương mại nhận được đơn đề nghị miễn trừ đối với sản phẩm thép cán nguội được mô tả cụ thể là thép không hợp kim (hàm lượng carbon >0,25% tính theo trọng lượng), dạng đai và dải, không gia công quá mức cán nguội, chưa sơn, tráng phủ hoặc mạ; độ dày: 0,55mm - 1,25mm, chiều rộng: 12 mm - 125 mm; dùng để sản xuất lưỡi cưa gỗ.

Theo đó, để có căn cứ xem xét đề nghị miễn trừ (có hạn chế về khối lượng, số lượng hàng hóa được miễn trừ, mục đích được miễn trừ) của sản phẩm, Cục Phòng vệ thương mại đề nghị các công ty sản xuất sản phẩm thép nói trên liên hệ với Cục và cho ý kiến về việc miễn trừ trước ngày 21/4/2021.

Trước đó, theo kết quả điều tra, đánh giá, trong thời kỳ điều tra, lượng nhập khẩu thép cán nguội bị điều tra lên tới 272.073 tấn, chiếm 65,5% tổng lượng nhập khẩu thép cán nguội vào Việt Nam. Biên độ bán phá giá của hàng hóa nhập khẩu được xác định là từ 4,43% đến 25,22%.

Trên cơ sở kết quả điều tra, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định áp dụng thuế CBPG chính thức đối với sản phẩm thép cán nguội từ Trung Quốc sau khi cân nhắc hài hòa giữa quyền lợi của ngành sản xuất trong nước, lợi ích của các ngành công nghiệp hạ nguồn sử dụng sản phẩm thép cán nguội.

JLL Việt Nam: Bất động sản Tp.Thủ Đức tăng giá vượt trội, sẽ là điểm nóng đầu tư do quỹ đất còn lớn

Tp.Thủ Đức chính thức được thành lập, trực thuộc Tp.HCM. Với quy mô dân số hơn 1 triệu người, Tp.Thủ Đức hứa hẹn sẽ phát triển trở thành đầu tàu công nghệ, tài chính và dịch vụ của TP Hồ Chí Minh, với hy vọng đóng góp gần 30% tổng GDP toàn thành phố. Sau khi sáp nhập, Tp.Thủ Đức sẽ nằm giữa hai con sông quan trọng là sông Sài Gòn và sông Đồng Nai, cũng như tiếp giáp với Đồng Nai và Bình Dương, một vị trí chiến lược sẽ tạo đà cho sự phát triển trong tương lai.

Theo JLL, mô hình "thành phố trong thành phố" hay "bất động sản tích hợp" rất phù hợp với khu vực này. Khái niệm này đề cập đến các dự án quy mô tương đương một khu phố hoặc khu đô thị, nơi tích hợp nhiều chức năng hỗn hợp trong một dự án như nhà ở, văn phòng, bán lẻ, giáo dục, giải trí, và nhiều tiện ích khác. Những dự án này hướng đến mục đích cuối cùng là tạo ra không gian sống lý tưởng, nơi cư dân có thể sống, làm việc và vui chơi. Nó bao gồm nhiều tòa nhà đa chức năng kết nối với nhau trong một tổng thể hài hòa về mặt kiến trúc và môi trường sống.

Ông Paul Fisher, Tổng giám đốc của JLL Việt Nam cho biết, Tp.Thủ Đức sẽ là điểm đến cho những dự án theo đuổi mô hình "thành phố trong thành phố" này nhờ quỹ đất rộng lớn với mật độ dân cư hiện hữu thấp hơn nhiều so với Tp.HCM.

Cũng giống như thị trường căn hộ chung cư của Tp.HCM, tất cả các dự án được phát triển tại Tp.Thủ Đức đều được đón nhận tích cực. Nhu cầu được hỗ trợ bởi nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam và bởi những người mua có sẵn nguồn tiền mặt hoặc khả năng huy động vốn. Tính đến quý 4 năm 2020, hơn 90% tổng nguồn cung căn hộ mở bán đã có chủ.

Ngoài ra, về tốc độ tăng giá, khu vực này cũng vượt trội hơn so với toàn thành phố, cả về căn hộ và đất nền trong những năm qua.

Thành phố mới chiếm 30% tổng số đơn vị nhà ở của Tp.HCM, trong khi chỉ chiếm 10% tổng diện tích và 12% tổng dân số. Trong khi các dự án căn hộ cao cấp có xu hướng tập trung tại các phường ở Quận 2, khu vực gần Quận 1, các dự án căn hộ phân khúc thấp hơn và các dự án đất nền sẽ nằm xa trung tâm hơn chủ yếu tại Quận 9, nơi vẫn còn quỹ đất lớn.

Nhiều quỹ thắng lớn trên TTCK Việt Nam trong quý 1, bộ đôi VFMVN Diamond ETF và SSIAM VNFinLead ETF bỏ xa phần còn lại

TTCK Việt Nam vừa khép lại quý 1 với những diễn biến khá tích cực dù chịu ảnh hưởng không nhỏ từ dịch Covid-19. Kết thúc phiên giao dịch 31/3, chỉ số VN-Index dừng tại 1.191,44 điểm, tăng 7,93% so với đầu năm dù trước đó VN-Index đã bứt phá ngoạn mục gần 15% trong năm 2020. Có diễn biến tích cực hơn, chỉ số VN30 Index thậm chí còn ghi nhận mức tăng 11,72% trong quý 1.

Diễn biến khả quan của thị trường trong quý 1 đã giúp nhiều quỹ đầu tư đạt hiệu suất khá tốt và gần như không có quỹ lớn nào thua lỗ. Dù vậy, không phải quỹ nào cũng dành chiến thắng nếu so với Index.

Quỹ có hiệu suất đầu tư "tệ" nhất trong quý 1/2021 phải kể tới VNM ETF khi tăng trưởng NAV/Shares chỉ đạt 2,11%. Việc nắm giữ tỷ trọng lớn MSN, VNM (các cổ phiếu giảm trong quý 1), cùng với khoảng 35% tỷ trọng đầu tư vào các cổ phiếu nước ngoài đã ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu suất chung của quỹ.

Tương tự VNM ETF, một quỹ ETF lớn khác trên TTCK Việt Nam là FTSE Vietnam ETF cũng có thành tích không mấy khả quan với hiệu suất quý 1 chỉ đạt 5,6%, thấp hơn so với VN-Index (+7,93%).

Trong số các quỹ chiến thắng thị trường, đáng chú ý có VEIL Dragon Capital với quy mô hơn 2 tỷ USD nhưng vẫn đạt hiệu suất lên tới 12,41% trong quý 1, tích cực hơn so với VN-Index và VN30 Index.

Các quỹ sử dụng benchmark VN30 nhìn chung đều có hiệu suất tốt hơn chỉ số này, có thể kể tới MAFM VN30 ETF (+11,83%), SSIAM VN30 ETF (+12,85%) hay VFMVN30 ETF (+13,18%), trong khi mức tăng của VN30 trong quý 1 chỉ là 11,72%.

Quỹ Hàn Quốc lớn nhất trên thị trường với quy mô hơn 700 triệu USD là KIM Vietnam Growth Securities cũng có hiệu suất tích cực trong quý 1 với mức tăng 13,73%.

Ngân hàng đầu tiên báo kết quả kinh doanh quý 1/2021, lợi nhuận cao gấp hơn 2 lần cùng kỳ

Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank - mã chứng khoán SSB) vừa thông tin về kết quả kinh doanh quý đầu năm 2021.

Theo đó tính đến ngày 31/3, tổng tài sản của SeABank đạt 184.302 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước; Tiền gửi khách hàng đạt 115.198 tỷ đồng, tăng 16,8%; Cho vay khách hàng tăng 14,3% so với cùng kỳ, đạt 111.050 tỷ đồng.

Tổng thu thuần từ hoạt động kinh doanh (TOI) của ngân hàng đạt 1.440 tỷ đồng, tăng 48% so với cùng kỳ. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) giảm mạnh xuống mức 40,8% so với mức 52,9% tại thời điểm cuối quý 1/2020.

Lợi nhuận trước thuế quý đầu năm nay đạt 698,3 tỷ đồng, cao gấp 2,3 lần so với cùng kỳ.

DIC Corp đặt kế hoạch lãi kỷ lục, muốn huy động 2.000 tỷ đồng trái phiếu đầu tư dự án ở Đồng Nai, Vũng Tàu

Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp, mã: DIG) vừa công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 dự kiến tổ chức ngày 22/4 tại Vũng Tàu.

Trong năm 2021, DIC Corp đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất là 2.800 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 1.444 tỷ đồng, lần lượt tăng 12% và tăng 62% so với kết quả đã kiểm toán năm 2020. Theo kế hoạch, doanh nghiệp sẽ đầu tư 9.436 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2020. Trong đó, đầu tư phát triển dự án là 9.264 tỷ đồng, đầu tư tài chính 172 tỷ đồng.

DIC Corp dự kiến sẽ phát hành riêng lẻ 2.000 tỷ đồng trái phiếu với mệnh giá 1 tỷ đồng, kỳ hạn 3 - 5 năm. Số tiền thu được để bổ sung nguồn vốn đầu tư dự án Khu đô thị du lịch Long Tân và Khu đô thị mới Bắc Vũng Tàu.

Ngoài ra, đại hội sắp tới sẽ biểu quyết về việc DIC Corp sẽ nhận sáp nhập công ty con là Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng Hà Nam (DIC Hà Nam). Công ty con này được thành lập với mục tiêu đầu tư hai dự án là Điểm du lịch sinh thái và vui chơi giải trí hồ Ba Hang và dự án Cảng thông quan nội địa và dịch vụ công nghiệp Thanh Liên tại tỉnh Hà Nam.

HDBank đặt mục tiêu lợi nhuận hơn 7.200 tỷ đồng, dự chia cổ tức 25% bằng cổ phiếu

Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM (HDBank - Mã: HDB) vừa công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, dự kiến tổ chức vào ngày 23/4 tới.

Về kế hoạch kinh doanh, HDBank đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 7.281 tỷ đồng, tăng 25% với năm 2020. Tổng tài sản tính đến ngày 31/12/2021 ước đạt 399.320 tỷ đồng, tăng 25% so với thời điểm đầu năm. Tổng huy động vốn và quy mô dư nợ tín dụng ước đạt lần lượt là 359.851 tỷ và 236.768 tỷ đồng, tăng 25% và 26%. Tỷ lệ nợ xấu mục tiêu kiểm soát dưới 2%.

Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, ngân hàng dự kiến sẽ chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%, nâng vốn điều lệ lên tối đa 20.110 tỷ đồng. Việc chia cổ tức dự kiến hoàn hành trong năm 2021.

Lợi nhuận giữ lại lũy kế qua các năm sau khi trích lập các quỹ của HDBank tính tới cuối 2020 là gần 4.300 tỷ đồng.

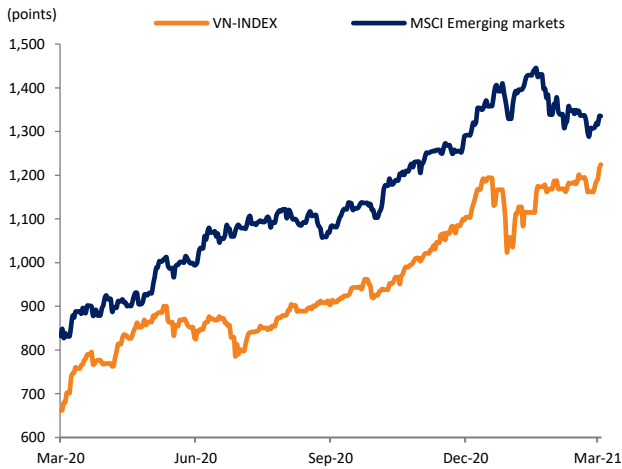
Becamex IJC đặt kế hoạch lợi nhuận tăng 68% năm 2021

HDQT Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex IJC, Mã: IJC) vừa thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2021 với doanh thu tăng 43% so với thực hiện năm 2020 lên 3.072 tỷ đồng. Mục tiêu lãi trước thuế và sau thuế lần lượt tăng 77% và 68% lên 797 tỷ và 622 tỷ đồng.

Với công ty mẹ Becamex IJC, HDQT lên kế hoạch doanh thu đạt 2.788 tỷ đồng, tăng 41% so với kết quả năm 2020. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế dự kiến tăng 64% và 57% lên 772 tỷ và 605 tỷ đồng.

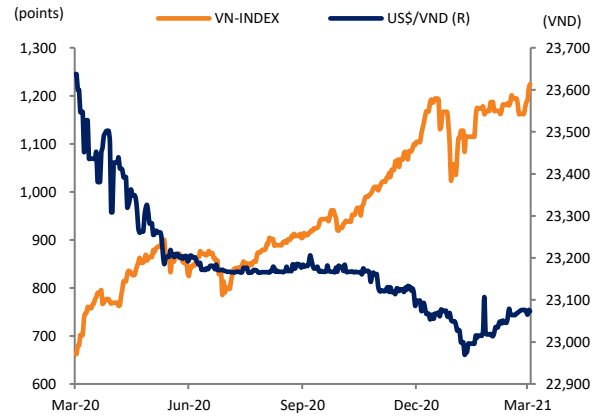
Ban lãnh đạo công ty cũng thông qua mức trả cổ tức năm 2021 là 16% vốn điều lệ, so với tỷ lệ 15% của năm trước.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



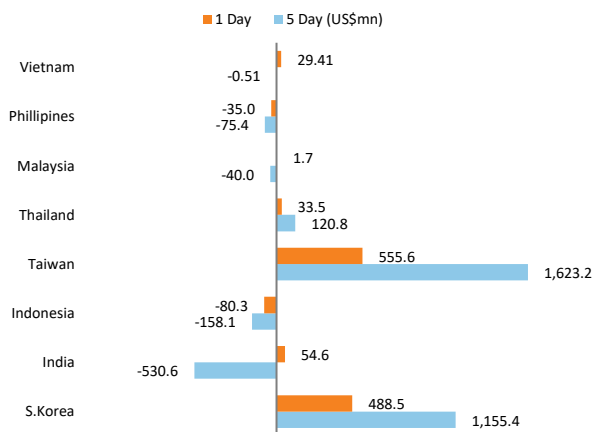
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



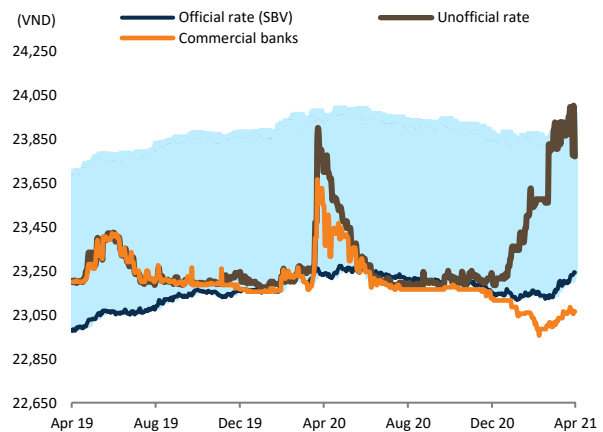
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



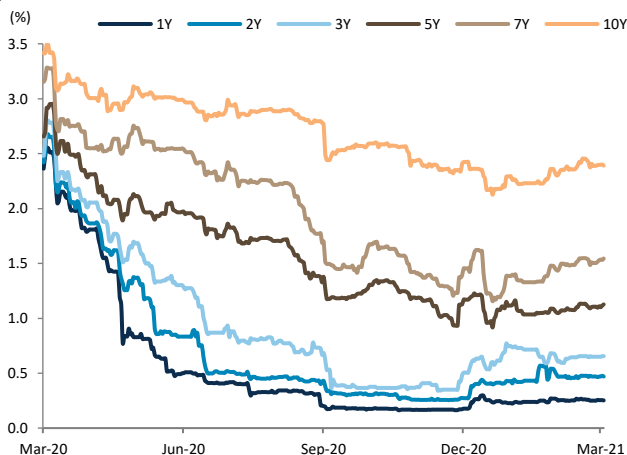
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



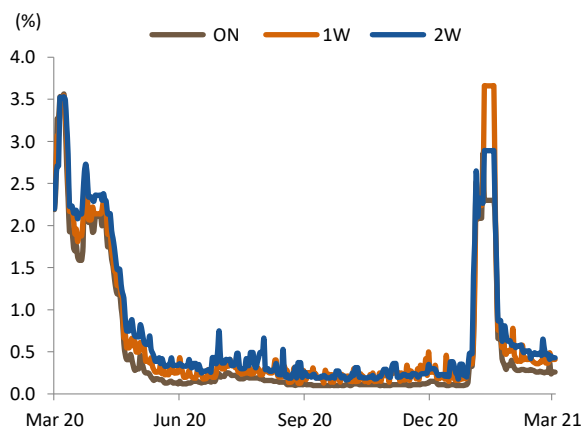
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN30 Index	VN30 Index	1,238.03	3,158,741		1.0	6.1	3.6	96.9	15.9	13.4	2.3	2.0	19.1	19.1	19.1	
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	45,000	180,991	17.1	2.4	6.9	2.2	40.2	18.3	12.9	2.0	1.7	41.8	12.0	15.4	
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	61,800	45,876	27.6	1.5	5.8	0.0	56.3	28.2	22.6	2.2	2.0	25.0	8.2	9.5	
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	41,300	153,777	27.1	0.6	5.8	8.7	125.7	9.3	8.6	1.5	1.4	7.6	17.9	17.1	
CTCP FPT	FPT VN	79,800	62,556	49.0	0.1	4.9	2.4	117.0	15.9	13.5	3.4	3.0	18.1	24.4	25.8	
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	90,300	172,830	2.9	-0.3	1.2	-0.8	61.0	17.0	16.6	3.3	3.1	2.4	19.1	19.3	
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	27,250	43,430	16.7	1.7	5.8	2.1	137.3	7.9	6.6	1.6	1.4	18.9	18.9	18.7	
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	49,050	162,517	30.1	1.1	6.2	5.0	241.2	9.2	8.4	2.1	1.7	9.7	26.0	23.6	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	31,300	17,491	33.9	1.0	4.3	-4.6	78.6	14.3	10.9	2.0	1.7	31.8	15.2	17.6	
NHTMCP Quân đội	MBB VN	29,600	82,843	23.0	1.4	7.6	5.3	141.1	8.0	6.7	1.5	1.2	19.7	19.8	20.1	
Tập đoàn Masan	MSN VN	92,700	108,893	32.2	0.4	7.9	2.0	88.4	43.4	24.0	5.3	4.3	80.9	12.9	20.7	
CTCP Thế giới di động	MWG VN	134,800	62,834	49.0	0.4	3.7	-0.7	120.3	12.8	10.2	3.2	2.7	25.7	27.7	27.9	
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	82,000	81,264	6.3	0.2	3.1	3.4	60.1	20.7	17.8	2.6	2.2	16.8	11.4	11.4	
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	64,600	28,152	2.3	2.2	5.0	11.9	250.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	56,500	70,275	16.4	0.4	1.1	-3.6	45.2	21.3	17.3	3.0	2.9	23.3	15.9	17.2	
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	88,700	20,167	49.0	3.7	4.5	5.6	82.5	16.3	12.8	3.5	2.8	27.4	22.6	24.1	
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,600	31,849	3.7	-0.4	7.1	5.0	84.8	14.6	12.9	1.1	1.0	13.0	7.6	7.9	
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	53,700	16,596	49.0	-0.4	-0.6	-5.6	89.8	9.4	7.9	1.6	1.5	18.9	13.2	13.0	
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	22,900	14,133	8.0	0.0	4.1	0.0	80.3	NA	NA	NA	NA	NA	7.4	NA	
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	34,300	22,153	41.3	1.0	11.0	-2.1	220.9	15.3	14.3	NA	NA	7.1	12.7	12.8	
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	22,600	40,763	9.4	4.6	19.3	18.0	189.4	15.6	9.4	1.4	1.2	66.0	9.5	13.5	
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	41,250	144,577	22.5	0.6	4.7	2.4	166.1	9.8	8.5	1.6	1.4	15.1	18.2	17.6	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	24,200	9,061	5.2	-0.2	12.0	7.6	45.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	28,300	29,196	30.0	1.1	6.0	-4.9	113.4	7.5	5.4	1.4	1.1	38.8	23.3	24.1	
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	97,800	362,728	23.4	0.9	3.1	-1.5	50.5	17.1	13.9	3.1	2.6	23.1	20.4	21.3	
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	100,700	331,254	22.2	1.7	5.2	-2.0	83.8	10.8	9.0	2.9	2.2	20.7	31.0	28.2	
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	123,000	416,039	14.4	0.0	9.4	13.7	43.0	57.0	48.9	4.5	4.0	16.7	8.1	10.4	
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	132,300	69,304	19.1	-0.2	1.4	-3.9	33.4	64.1	22.7	4.2	3.4	182.7	5.2	18.8	
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	102,700	214,638	56.0	1.7	5.4	-2.1	31.1	19.9	18.1	6.3	5.7	9.8	34.9	35.2	
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	46,200	113,409	23.4	0.7	6.5	13.4	167.8	9.4	7.9	1.8	1.4	19.0	19.9	19.9	
CTCP Vincom Retail	VRE VN	33,850	76,918	30.5	0.0	5.1	-2.4	75.8	27.1	21.2	2.4	2.2	28.1	9.3	11.0	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN-Index	62.24	4,558,014	0.7	5.4	3.2	80.0	19.0	15.4	2.6	2.44	22.8	13.6	17.5	
Ô tô và phụ tùng	0.09	8,547	-0.5	4.0	5.3	81.4	6.1	5.7	1.1	1.0	23.8	11.0	10.7	
Ngân hàng	21.19	1,380,069	1.3	6.3	4.9	85.3	13.0	10.5	2.0	1.7	16.2	18.0	18.5	
Xây dựng cơ bản	2.28	178,743	0.3	5.3	3.1	118.8	5.5	4.1	0.4	0.4	NA	5.3	5.6	
Dịch vụ thương mại	0.03	4,737	0.0	2.4	1.5	58.2	6.7	5.3	NA	NA	-29.5	11.1	13.0	
May mặc và trang sức	0.72	42,098	1.5	7.1	16.0	272.1	13.5	11.1	2.6	2.2	-8.6	17.8	17.6	
Dịch vụ tiêu dùng	0.18	9,549	0.7	5.7	2.0	61.3	14.1	4.9	NA	NA	NA	3.7	9.7	
Dịch vụ tài chính	1.24	65,861	0.1	7.8	5.8	208.2	10.3	4.6	NA	NA	40.6	9.0	4.1	
Năng lượng	0.46	88,908	0.3	2.0	-3.0	71.8	21.0	16.4	2.5	2.4	-64.4	13.7	14.9	
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	7.00	547,360	0.8	5.1	-0.6	58.8	22.2	16.5	4.6	4.1	-14.7	22.5	23.8	
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.01	950	0.0	5.7	7.3	97.7	NA	NA	NA	NA	-40.0	NA	NA	
Hàng cá nhân và gia dụng	0.07	12,173	-0.5	2.3	6.3	7.1	7.1	6.3	NA	NA	51.2	24.1	24.2	
Bảo hiểm	0.69	52,598	1.3	5.2	0.0	53.1	25.2	20.2	1.9	1.8	28.8	7.6	8.7	
Nguyên vật liệu	4.54	388,096	0.3	4.7	2.8	218.8	13.6	13.5	1.8	0.9	56.1	16.4	15.0	
Giải trí và truyền thông	0.01	1,221	-0.3	3.6	-4.3	-21.3	NA	NA	NA	NA	-61.6	NA	NA	
Dược phẩm	0.04	35,260	-0.5	0.5	1.7	42.2	NA	NA	NA	NA	10.7	NA	NA	
Bất động sản	17.62	1,134,599	0.6	6.3	5.8	74.4	9.2	8.1	1.7	1.6	-34.8	9.7	9.8	
Bán lẻ	0.60	71,159	0.1	3.3	-0.4	116.9	28.1	23.7	2.9	2.5	-3.3	14.2	14.7	
Phần mềm và dịch vụ	0.80	66,909	0.1	4.7	2.9	115.0	11.9	9.5	2.8	2.4	10.2	25.1	25.3	
Thiết bị và phần cứng	0.07	5,203	0.4	5.2	15.8	552.3	14.9	12.6	3.2	2.8	56.9	22.8	24.1	
Dịch vụ viễn thông	-0.02	1,147	-3.1	-6.1	-2.5	354.5	13.8	11.1	3.6	2.8	14.2	27.1	26.8	
Vận tải	1.09	179,787	-0.5	2.5	1.1	61.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tiện ích	1.61	263,318	-0.1	2.4	0.7	58.4	27.7	10.7	5.2	4.2	-27.3	-20.4	10.9	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index**Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm**

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	123,000	9.43	3,126,100	9.54
VHM VN	100,700	5.22	2,205,340	4.38
BID VN	45,000	6.89	3,064,560	3.10
VNM VN	102,700	5.44	3,526,060	2.95
VCB VN	97,800	3.06	1,772,840	2.86
HPG VN	49,050	6.17	17,453,960	2.51
CTG VN	41,300	5.76	13,095,720	2.23
VIB VN	50,700	17.23	904,660	2.20
MSN VN	92,700	7.92	1,940,100	2.13
VPB VN	46,200	6.45	3,371,160	1.83

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
BHN VN	68,100	-5.15	7,340	-0.23
LGC VN	62,600	-6.57	1,420	-0.23
HRC VN	56,000	-16.91	980	-0.09
VIX VN	31,300	-5.15	6,545,100	-0.06
HAP VN	15,150	-15.36	1,451,620	-0.04
PME VN	79,100	-2.35	1,120	-0.04
SGR VN	35,700	-5.93	75,240	-0.04
TDP VN	27,900	-6.69	177,260	-0.03
REE VN	53,700	-0.56	569,460	-0.02
PGI VN	20,000	-4.76	6,000	-0.02

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.